TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Kim Niên;

Bà Vi Thị Ngọc Ánh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Đội 6, thôn T, xã TL, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2023, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương; sau đó đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận. Từ năm 2011 đến đầu năm 2023 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian đi chị có về nước thăm gia đình được hai lần. Trước khi đi, chị có đưa con về nhà ngoại tại thôn T, xã TL, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để nhờ bà ngoại chăm sóc và cho cháu theo học ở đây. Thời gian đầu sang Đài Loan, vợ chồng vẫn thường xuyên nói

chuyện; tuy nhiên sau đó một thời gian vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ít nói chuyện hơn hoặc mỗi lần nói chuyện lại cãi nhau do chồng chị ở nhà mải chơi, không tu chí làm ăn, một mình chị làm việc vất vả ở nước ngoài để kiếm tiền nuôi con, chăm lo cho gia đình. Nay xác định mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng xa nhau lâu ngày tình cảm đã không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Vi Văn Đ1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2002, do con đã trưởng thành nên chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Vi Văn Đ trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị Nguyễn Thị H trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận và có một người con chung. Đến khoảng năm 2007-2008, do tính chất công việc nên anh thường xuyên phải đi làm ăn xa nhà, chị Nguyễn Thị H có quan hệ tình của với người đàn ông khác, khi bị phát hiện chị Nguyễn Thị H đã xin lỗi anh và gia đình anh, do thương con còn nhỏ nên anh đã tha thứ cho chị. Đến khoảng năm 2011 chị Nguyễn Thị H nói muốn đi xuất khẩu lao động ba năm để kiếm tiền nên anh đồng ý. Nhưng sau đó lại đi lâu hơn, anh có bảo chị Nguyễn Thị H về nước nhưng chị Nguyễn Thị H không về. Trong thời gian chị Nguyễn Thị H đi làm xa nhà, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau. Đến năm 2023, chị Nguyễn Thị H về nước hẳn và có đến nhà anh, mẹ anh vẫn khuyên bảo chị Nguyễn Thị H để vợ chồng anh hàn gắn tình cảm nhưng chị Nguyễn Thị H không đồng ý, ý định của chị Nguyễn Thị H là để nộp đơn ly hôn đến Tòa án. Vợ chồng anh xa nhau đã lâu, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, anh cũng không còn tình cảm vợ chồng gì với chị Nguyễn Thị H. Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vi Văn Đ1, sinh ngày 19/9/2002, hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Đơn trình bày của anh Vi Văn Đ1 (con trai của chị Nguyễn Thị H và anh Vi Văn Đ) gửi đến Tòa án, anh cho biết: Từ năm 2021, mẹ anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, bố mẹ anh mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện anh đã trưởng thành, việc của bố mẹ ly hôn anh không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung đã trưởng thành và tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Trích lục kết hôn, giấy tờ tùy thân, các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; biên bản xác minh; biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Nguyễn Thị H và anh Vi Văn Đ có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn, bị đơn anh Vi Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vi Văn Đ có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính chất công việc chị Nguyễn Thị H đi làm xa nhà, vợ chồng mỗi người sống một nơi, ít quan tâm đến nhau dẫn đến xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, yêu thương, tôn trọng nhau, không thể khắc phục được mâu thuẫn và bị đơn anh Vi Văn Đ cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vi Văn Đ có 01 con chung là cháu Vi Văn Đ1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2002, do đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vi Văn Đ.

2. Về con chung: Cháu Vi Văn Đ1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2002, do đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003298 ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND thị trấn C, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền